TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị K Â, sinh năm 1982 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: ấp B T, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Nay cư trú: ấp 3 B, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B T, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị K Â trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Nguyễn Thanh P sống chung với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã N Y cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2005. Thời gian chung sống chị và anh P có được 01 người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005, hiện nay đang sống chung với anh Nguyễn Thanh P; về tài sản chung và nợ, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống, chị và anh P chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh P không lo làm ăn, thường xuyên hành hung đánh đập chị nên chị đã sống ly thân với anh P hơn 06 tháng nay, chị thấy chị và anh P không thể sống chung với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Về quan hệ con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 28/01/2019, bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày*:

Thời gian chung sống khoảng 03 năm trở lại đây, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn nhưng chị Phạm Thị K Â có ý định ly thân, không muốn chung sống với anh. Bản thân anh đã nhiều lần cố gắng nếu kéo để anh chị chung sống hòa hợp với nhau nhưng chị K Â cương quyết không sống chung với anh. Từ đó, anh chị thường xuyên cự cải, bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì anh còn thương vợ, con nên anh muốn duy trì hạnh phúc gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị K Â.

- Về quan hệ con chung: Anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005, anh không yêu cầu chị K Â cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 12/02/2019, Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005 có nguyện vọng như sau*:

Khi cha là Nguyễn Thanh P và mẹ là Phạm Thị K Â ly hôn, Nguyễn Thanh N có nguyện vọng chung sống với cha là Nguyễn Thanh P.

** Tại biên bản xác minh ngày 12/02/2019, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị K Â chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải với nhau do anh P ghen tuông vô cớ và anh chị không còn chung sống với nhau. Hiện nay chị K Â đi làm ăn, anh P trực tiếp nuôi.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm*: Sổ hộ khẩu gia đình Nguyễn Thanh P và Phạm Thị K Â, giấy chứng minh nhân dân Phạm Thị K Â, trích lục kết hôn Nguyễn Thanh P và Phạm Thị K Â, giấy khai sinh Nguyễn Thanh N, đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 03/11/2018, biên bản xác minh ngày 12/02/2019, biên bản ghi nhận ý kiến của Nguyễn Thanh N ngày 12/02/2019.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Phạm Thị K Â yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị tên Nguyễn Thanh N, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh P mỗi tháng 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 15 của tháng, tính từ ngày 15/6/2019. Về tài sản chung và nợ, chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt anh Phong theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị K Â và anh Nguyễn Thanh P chung sống với nhau vào năm 2004, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân

dân xã N Y cấp giấy chứng nhận kết hôn lá hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K Â yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ; về con chung, anh chị có được 01 đứa con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005, khi ly hôn anh P yêu cầu được nuôi con, chị K Â đồng ý giao con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị K Â và anh P, giao con chung của anh chị cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, chị K Â tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của chị K Â; về tài sản chung và nợ chị K Â và anh P xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị K Â yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P và tranh chấp về nuôi con, anh chị đều cư trú xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, anh P có văn bản trình bày ý kiến, Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh P, nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị K Â không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Phạm Thị K Â và anh Nguyễn Thanh P chung sống với nhau vào năm 2004, đến ngày 01 tháng 9 năm 2005 anh chị đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Uỷ ban nhân*

dân xã N Y là nơi cư trú của anh chị) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 01/9/2005, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Phạm Thị K Â được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P, thời gian anh chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh P không lo làm ăn, thường xuyên hành hung đánh đập chị nên chị K Â đã ly thân với anh P từ tháng 11/2017 đến nay không thể hàn gắn với nhau được; anh P không đồng ý ly hôn với chị K Â vì anh còn thương vợ, anh cố gắng để anh chị chung sống hòa hợp với nhau nhưng chị K Â cương quyết không sống chung với anh. Từ đó, anh chị thường xuyên cự cải, bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị K Â cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị K Â, cho chị Phạm Thị K Â được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Phạm Thị K Â và anh Nguyễn Thanh P có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005, hiện nay đang chung sống với anh P. Khi ly hôn anh P yêu cầu được nuôi con, chị K Â đồng ý giao con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, con của anh chị tên Nguyễn Thanh N có nguyện vọng được chung sống với cha là anh P khi anh chị ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị K Â tự nguyện giao con cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Thanh N con anh chị nhưng tạo phiên tòa hôm nay vắng mặt anh P nên không thể ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh chị. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh P và nguyện vọng của Nguyễn Thanh N con anh chị, giao con của anh chị tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh P không yêu cầu chị K Â cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa, chị K Â tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000

đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 15 của tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị K Â về cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005 mỗi tháng 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 15 của tháng, tính kể từ ngày 15/6/2019, cho đến khi con của anh chị đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ, chị Phạm Thị K Â và anh Nguyễn Thanh P xác định anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu và người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị K Â được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005 cho anh Nguyễn Thanh P tiếp tục nuôi dưỡng theo

nguyện vọng Nguyễn Thanh N con của anh chị, hiện nay Nguyễn Thanh N đang chung sống với anh Nguyễn Thanh P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị K Â cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thanh N, sinh ngày 28/3/2005 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 15 của tháng, tính kể từ ngày 15/6/2019, cho đến khi con của anh chị đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Phạm Thị K Â và anh Nguyễn Thanh P xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị K Â phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005899 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Phạm Thị K Â còn phải tiếp tục nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/5/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã N Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Sang).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo